

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2928 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 29 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản đất đá làm vật liệu san lấp (đất dăm sạn bồi nền) tại khu vực Núi Đất, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản đất đá làm vật liệu san lấp (đất dăm sạn bồi nền) tại khu vực Núi Đất, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tại cuộc họp vào ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản đất đá làm vật liệu san lấp (đất dăm sạn bồi nền) tại khu vực Núi Đất, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại văn bản số 68/TTr-TT ngày

18 tháng 9 năm 2021 của Công ty TNHH Đầu tư Khoáng sản và Xây dựng Thành Tâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 388/TTr-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2021, Công văn số 4580/STNMT-CCBVMT ngày 21 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản đất đá làm vật liệu san lấp (đất dăm sạn bồi nền) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư Khoáng sản và Xây dựng Thành Tâm (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực Núi Đất, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Phan Văn Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường Bình Thuận;
- UBND huyện Tuy Phong;
- UBND xã Phong Phú;
- Công ty TNHH ĐTKS&XD Thành Tâm;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số: 2928/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản đất đá làm vật liệu san lấp (đất dăm sạn bồi nền).

- Chủ dự án: Công ty TNHH Đầu tư Khoáng sản và Xây dựng Thành Tâm.

- Địa chỉ liên hệ: Khu vực Núi Đất, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện: Ông Trần Quang Duẩn Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ liên lạc: 135A Nguyễn Hội, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Điện thoại: 0972395555.

- Mục tiêu dự án: Khai thác đất dăm sạn bồi nền phục vụ cho dự án cao tốc, thị trường trong khu vực và các tỉnh lân cận; giảm áp lực quản lý, kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác trái phép; tạo nguồn thu ngân sách cho huyện Tuy Phong nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung.

- Phạm vi, quy mô: Khu vực khai thác có diện tích 6,0 ha tại khu vực Núi Đất, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được xác định bởi các điểm khép góc có tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN2000 Bình Thuận (Kinh tuyến trực 108,5°, múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
Diện tích khu 1: 1,8 ha		
1	1.243.397	514.728
2	1.243.379	514.821
2.1	1.243.226	514.802
6.1	1.243.183	514.679
7	1.243.195	514.693
Diện tích khu 2: 4,2 ha		
2.2	1.243.171	514.795
3	1.242.966	514.769
4	1.242.764	514.836

Điểm góc	Tọa độ VN2000 Bình Thuận (Kinh tuyến trục 108,5°, múi chiếu 3°)	
5	1.242.753	514.724
5.1	1.243.119	514.649
Tổng diện tích: 6,0 ha		

- Quy mô diện tích: 6,0 ha.

- Tổng trữ lượng địa chất khoáng sản đất đá làm vật liệu san lấp (đất dăm sạn bồi nền) cấp 122: 141.000 m³.

- Trữ lượng khoáng sản đất đá làm vật liệu san lấp (đất dăm sạn bồi nền) được phép đưa vào thiết kế khai thác cấp 122: 127.018 m³.

- Công suất khai thác: 42.400 m³/năm (nguyên khối), tương đương 51.304 m³/năm (nguyên khai); hệ số nở rời: 1,21.

+ Năm 1: 42.400 m³ nguyên khối/năm tương đương 51.304 m³ nguyên khai/năm.

+ Năm 2: 42.400 m³ nguyên khối/năm tương đương 51.304 m³ nguyên khai/năm.

+ Năm 3: 42.218 m³ nguyên khối/năm tương đương 51.084 m³ nguyên khai/năm.

- Tuổi thọ mỏ: 3,0 năm.

- Công nghệ khai thác: công nghệ khai thác được lựa chọn là xúc bốc vận chuyển trực tiếp đến nơi tiêu thụ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung,...phát sinh trong giai đoạn xây dựng, khai thác, vận chuyển khoáng sản và tháo dỡ lán trại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng và vận hành là 0,125 m³/ngày (24 giờ). Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành có nguồn từ quá trình làm đường vận chuyển, hoạt động phát quang khu vực mở vỉa và dựng lán trại, quá trình san gạt, xúc bốc khai thác, hoạt động của máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển,...Thành phần ô nhiễm chủ yếu là: Bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn xây dựng là 11,78 tấn; khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn vận hành là 23,43 tấn; thành phần chủ yếu là cành cây, rễ, lá cây,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng mỏ là 01 kg/tháng; trong giai đoạn vận hành là 02 kg/tháng. Chất thải nguy hại chứa thành phần chủ yếu là giẻ lau dầu nhớt.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng và vận hành là 2,5 kg/ngày; thành phần chủ yếu là bao bì ni lông đựng thức ăn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Chất thải rắn từ quá trình tháo dỡ lán trại khoảng 300 kg chủ yếu là các khung thép, lợp mái bằng tôn kẽm để công nhân nghỉ trưa, bảo vệ thiết bị thi công.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Chủ dự án trang bị nhà vệ sinh di động được sản xuất từ vật liệu composite bằng công nghệ đúc liền khối, có lắp đặt hệ thống bể tự hoại 04 ngăn với dung tích 550 lít. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi thu gom, lưu chứa hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ tối thiểu 06 tháng/lần đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Đối với nước mưa:

+ Trước khi Dự án đi vào hoạt động, Chủ dự án tiến hành sử dụng vật liệu tại dự án để đắp bờ dọc phía Tây mỏ từ mốc số 5 đến mốc số 5.1 và từ mốc số 6.1 đến mốc số 1 với chiều cao trung bình là 01 m so với địa hình xung quanh ngăn chặn khả năng nước mưa chảy tràn từ ngoài vào. Chủ dự án sử dụng bơm cưỡng bức để bơm thoát nước và đặt ống dẫn nổi thoát nước vào kênh nội đồng.

+ Trong giai đoạn hoạt động, Chủ dự án tiến hành gia cố bờ bao để hạn chế lượng nước mưa chảy tràn rơi trực tiếp vào moong khai thác, bố trí bơm và hệ thống ống dẫn nước để thoát nước.

+ Kết thúc khai thác, một phần diện tích đáy moong tại phía Tây có cote kết thúc khai thác thấp hơn so với khu vực xung quanh trung bình 2,3 m. Chủ dự án kết hợp làm cống điều tiết đảm bảo lượng nước trong ranh thực hiện Dự án luôn đạt cote +37m.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Để giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường trong quá trình vận chuyển đất dăm sạn bồi nền, Chủ dự án chủ động thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.

- Bao phủ kín toàn thân xe, tránh để bụi bay hoặc rơi vãi trên đường vận chuyển. Quy định tất cả xe tải khi đến mua hàng phải có bạt che. Bộ phận bán hàng và bảo vệ sẽ kiểm tra tại trạm cân trước khi xe chở vật liệu ra khỏi mỏ.

- Tổ chức tưới nước làm ẩm đường vận chuyển thường xuyên để hạn chế bụi phát tán vào môi trường. Tần suất tưới 2 lần/ngày.

- Các xe vận chuyển phải chở đúng số khối quy định, nghiêm cấm chở vượt khả năng chứa tránh trong quá trình vận chuyển chảy tràn từ xe ra ngoài đường, gây mất mỹ quan ảnh hưởng đến người dân sống hai bên tuyến đường vận chuyển. Xe chở sản phẩm phải che bạt kín thùng để tránh rơi vãi đất trên đường.

- Trong trường hợp rơi vãi trên tuyến đường bê tông nông thôn, Chủ dự án bố trí công nhân quét dọn không gây mất mỹ quan gây ảnh hưởng đến đời sống người dân.

- Quy định cụ thể về tốc độ xe chạy trên những đoạn đường trong phạm vi mỏ nhưng không trái với quy định chung về vận tải đường bộ hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Lượng sinh khối thu được từ quá trình phát quang được Chủ dự án bàn giao 100% cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt. Đối với phần không được tận dụng Chủ dự án thu gom, tập kết và tiến hành đốt bỏ. Quá trình đốt diễn ra trong ngày ít gió, luôn bố trí công nhân giám sát và chuẩn bị đầy đủ nước chữa cháy để tránh hỏa hoạn lây lan ra khu vực lân cận.

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, trong đó: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định; ký hợp đồng chuyển giao chất thải

nguy hại với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc Giấy phép quản lý chất thải nguy hại phù hợp; đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định,...

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

- Với khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 2,5 kg/ngày. Chủ dự án tiến hành trang bị thùng chứa chất thải rắn dung tích 20 lít đặt tại khu vực lán trại và mang ra bãi tập kết rác tại địa phương thuận tiện cho đơn vị thu gom của địa phương đến lấy. Toàn bộ sinh hoạt phát sinh được Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Trong quá trình tháo dỡ lán trại sẽ phát sinh các chất thải rắn như: Sắt thép vụn, tôn vụn, ước tính toàn bộ khối lượng phát sinh khoảng 300 kg. Chủ dự án tiến hành thu gom và bán các vật liệu, cấu kiện thừa, phế thải cho các cơ sở kinh doanh phế liệu lân cận.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc và đảm bảo tiếng ồn, độ rung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định.

- Không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn, độ rung lớn vượt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép.

- Vận hành máy móc, thiết bị theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn, độ rung; trang bị trang thiết bị bảo hộ cho công nhân đúng quy định.

- Đối với các thiết bị, máy móc có phát sinh độ ồn lớn như máy xúc,... thường xuyên kiểm tra các khớp nối, bôi trơn định kỳ, vận hành theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Bố trí máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách thích hợp, không tập trung tiếng ồn trong một khu vực.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động tại công trường.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trượt lở bờ moong, giải pháp phòng chống sạt lở tại khu vực khai thác như: Tiến hành khai thác góc dốc bờ moong phải nhỏ hơn góc dốc an toàn cho phép; các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên. Khai thác các vị trí có địa hình thấp hoặc hạn chế khai thác trong những ngày mưa bão nhằm đảm bảo an toàn cho lao động cũng như thiết bị. Trồng cây xung quanh khu vực moong khai thác, củng cố bờ moong, hạn chế sạt lở ảnh hưởng đến quá trình khai thác. Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc bỏ thực vật đến đó để giữ

nguyên hiện trạng tại diện tích chưa khai thác đến. Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo an toàn không xảy ra hiện tượng sụt lún, lở đất của người dân khu vực giáp ranh; tiến hành khai thác để lại đai an toàn xung quanh 2,0 m.

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

- Khi gây ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố. Chủ dự án có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan.

3.8. Cải tạo phục hồi môi trường:

3.8.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

Gia cố bờ moong, lắp đặt biển báo, san gạt đáy moong, trồng cây xanh xung quanh bờ moong, đáy moong khai thác tại vùng cote không ngập nước.

a) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 1:

- Gia cố bờ moong;
- Lắp đặt biển báo;
- San gạt đáy moong;
- Trồng cây xanh;
- Rào hàng rào kềm gai.

b) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 2:

- Tháo dỡ công trình ngoài mỏ (lán trại, trạm cân, phá dỡ kết cấu bê tông nền móng);
- San gạt mặt bằng;
- Duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyên;
- Tạo hệ thống thoát nước điều hòa.

3.8.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 1.526.098.323 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu, không trăm chín mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng).

- Số lần thực hiện ký quỹ: 3 lần.
 - + Số tiền ký quỹ lần đầu: 381.524.581 đồng.
 - + Số tiền ký quỹ lần hai: 572.286.871 đồng.
 - + Số tiền ký quỹ lần ba: 572.286.871 đồng.
 - Thời điểm thực hiện ký quỹ:
 - + Lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.
 - + Những lần tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.
 - Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.
- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Không có công trình bảo vệ môi trường để vận hành thử nghiệm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng:

Trong giai đoạn này các hoạt động sẽ làm phát sinh bụi, tiếng ồn, chất thải rắn. Tuy nhiên thời gian thực hiện ngắn, các tác động phát sinh từ bụi, tiếng ồn mang tính cục bộ, không liên tục nên Chủ dự án không tiến hành giám sát đối tượng này.

Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại khu vực xây dựng của dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Giai đoạn vận hành:

a) Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát:
 - + 01 điểm các khu vực moong đang khai thác 500 m theo hướng gió.
 - + 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển.
- Thông số giám sát:
 - + Khu vực moong đang khai thác 500 m theo hướng gió: Bụi, tiếng ồn, vi khí hậu.
 - + Trên tuyến đường vận chuyển: Bụi, SO₂, NO_x, CO.
- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ Trong ranh mỏ: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếp xúc tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ Ngoài ranh mỏ: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giám sát chất thải rắn:

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại của dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của dự án được lưu giữ định kỳ và báo cáo với Cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

c) Giám sát khác:

- Giám sát các công tác về phòng tránh sự cố môi trường tại mỏ để ứng phó kịp thời: kiểm tra các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, thiết bị thoát nước mỏ, các biển báo khu vực quanh mỏ để kịp thời bổ sung,...

- Giám sát nước thải sinh hoạt: định kỳ tối thiểu 6 tháng/lần, Chủ dự án thuê Công ty dịch vụ môi trường địa phương đến hút hầm và mang chất thải đi xử lý theo quy định và kiểm tra tình trạng làm việc của nhà vệ sinh: đường ống, rò rỉ,...

- Trong mùa mưa, Chủ dự án bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra trượt, lở bờ moong khu vực moong khai thác, bơm thoát nước kịp thời tránh hiện tượng ngập lụt, vận tốc dòng chảy tràn lớn ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân có đất lân cận Dự án.

- Thường xuyên giám sát hiện tượng trượt lở bờ moong khai thác, đặc biệt là vào mùa mưa. Định kỳ 06 tháng/lần tiến hành thực hiện công tác trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sạt lở bờ moong toàn Dự án.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Chủ dự án sau khi đã hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt phải lập hồ sơ hoàn thành từng phần phương án đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành. Việc xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt được thực hiện lồng ghép với đề án đóng cửa mỏ. Thực hiện báo cáo công tác cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

6.2. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng, vận hành dự án; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường; thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch xử lý, ứng phó tức thời nhằm hạn chế tối đa tác động phát sinh đến giao thông tại địa phương,...

6.3. Thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế, xã hội như: Phối hợp với chính quyền địa phương trong sử dụng các tuyến đường vận chuyển khoáng sản để cam kết thực hiện duy tu, bảo dưỡng theo định kỳ và khi bị hư hỏng; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và lực lượng dân quân để quản lý công nhân, đảm bảo tốt an ninh trật tự trong khu vực; nghiêm cấm công nhân uống rượu, đánh bài, để xảy ra các tệ nạn,... tại khu vực mỏ; xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng và tổ chức quản lý công nhân; chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, sàng tuyển theo quy định tại Điều 5 Luật khoáng sản năm 2010.

6.4. Thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp để kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải ở các khâu tiếp nhận, lưu giữ và xử lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của dự án.

6.5. Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ do các cơ quan chức năng quy định./.